

**Điều 3. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù**

1. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình quy định chi tiết tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục tài sản cố định đặc thù quy định chi tiết tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ nội dung quy định tại Quyết định này thực hiện hạch toán kế toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thường xuyên cập nhật và kiến nghị các khó khăn vướng mắc (nếu có) gửi văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định tại Điều 3 Quyết định này.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2023. Quyết định này thay thế Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Giàng A Tính**